

Bản án số: 142/2023/DS-ST

Ngày: 30/5/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ;

2. Bà Đặng Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8 (địa chỉ: Số A đường L, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 302/2022/TLST-DS ngày 28/12/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2023/QĐST-DS ngày 09/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Số B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985. Là đại diện theo ủy quyền theo các Văn bản ủy quyền ngày 26/12/2022 và ngày 09/01/2023. (vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số D đường D, Phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 06/9/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày như sau:

Ngày 13/11/2019, ông Huỳnh Văn Đ có ký với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 13/11/2019 kèm theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và Quyết định v/v ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ T1 phát hành tại Việt Nam số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019. Căn cứ thu nhập của ông Đ, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng VS P1, cụ thể như sau:

- Hạn mức sử dụng thẻ tín dụng là 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng);
- Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân;
- Lãi suất trong hạn là 2.6% tháng; lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại;
- Phí gồm có: Phí trễ hạn được thu nếu chủ thẻ không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu vào hoặc trước ngày đến hạn; Phí vượt hạn mức được tính trên số dư nợ vượt hạn mức được cấp; Phí hàng năm (phí thường niên) được thu mỗi năm một lần;
- Phương thức thanh toán:

Tất cả giao dịch và phí phát sinh phải được chủ thẻ thanh toán cho đơn vị phát hành thẻ vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên thông báo hàng tháng gửi cho khách hàng.

Khách hàng có thể thanh toán tổng số tiền đến hạn, số tiền tối thiểu (5% dư nợ cuối kỳ, cộng với khoản nợ quá hạn và khoản vượt hạn mức tín dụng, tối thiểu 100.000đồng) hoặc một khoản tiền trong khoảng giữa tổng số tiền đến hạn và số tiền tối thiểu.

Việc khách hàng không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu cho đến kỳ thông báo tiếp theo sẽ vi phạm hợp đồng và toàn bộ dư nợ sẽ đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán.

Đơn vị phát hành thẻ có thể chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành thu hồi toàn bộ nợ, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 98.590.000đồng. Trong thời gian sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến ngày 22/3/2021, ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 65.619.110đồng. Thử tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng như sau:

$\text{Dư nợ} = \text{Số tiền giao dịch} - (\text{Số tiền thanh toán} - \text{Phí trễ hạn, L trong hạn, P vượt hạn mức, P thường niên}).$

Tính đến ngày 22/3/2021, số tiền mà ông Đ đã giao dịch, đã thanh toán và các khoản nợ phí, nợ lãi như sau:

- Số tiền giao dịch là 98.590.000đồng;
- Số tiền thanh toán là 65.619.110đồng;
- Phí trễ hạn là 1.418.011đồng;
- Lãi trong hạn là 11.621.316đồng;
- Phí vượt hạn mức là 411.052đồng;
- Phí thường niên là 1.680.000đồng.

Như vậy, dư nợ của ông Đ đến ngày 22/3/2021 = 98.590.000đồng – (65.619.110đồng – 1.418.011đồng – 11.621.316đồng – 411.052đồng – 1.680.000đồng) = 48.101.269đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng từ ngày 22/3/2021 cho đến

nay, ông Đ vẫn không tiếp tục trả nợ. Do ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng nên từ ngày 22/3/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ của ông Đ còn thiếu tại thời điểm này là 48.101.269đồng sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 30/5/2023, ông Đ còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc là 48.101.269đồng;

- Nợ lãi quá hạn = Nợ gốc là 48.101.269đồng x lãi suất quá hạn là 150% x lãi suất trong hạn là 2.6%/tháng x 799 ngày (từ ngày 22/3/2021 đến ngày 30/5/2023) = 49.963.068đồng.

Tổng cộng là 98.064.337đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc ông Huỳnh Văn Đ phải trả một lần cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 13/11/2019 kèm theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng tính đến ngày 30/5/2023 tổng cộng là 98.064.337đồng trong đó nợ gốc là 48.101.269đồng và nợ lãi quá hạn là 49.963.068đồng.

- Buộc ông Huỳnh Văn Đ tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi phát sinh từ ngày 31/5/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 13/11/2019 kèm theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Ngân hàng xác định chỉ yêu cầu một mình ông Huỳnh Văn Đ trả nợ.

Bị đơn là ông Huỳnh Văn Đ được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự để trình bày ý kiến, thông báo và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là Ngân hàng có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn là ông Huỳnh Văn Đ được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án đến khi đưa ra xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là Ngân hàng yêu cầu bị đơn là ông Huỳnh Văn Đ, địa chỉ thường trú: Số D đường D, Phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, phải trả một lần cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 13/11/2019 kèm theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S tính đến ngày 30/5/2023 tổng cộng là 98.064.337đồng trong đó nợ gốc là 48.101.269đồng và nợ lãi quá hạn là 49.963.068đồng. Như vậy, đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Huỳnh Văn Đ được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Ngân hàng và ông Huỳnh Văn Đ đã ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 13/11/2019 kèm theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S với hạn mức sử dụng thẻ tín dụng là 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng), mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 2.6% tháng, lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, phí gồm có: Phí trễ hạn được thu nếu chủ thẻ không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu vào hoặc trước ngày đến hạn; Phí vượt hạn mức được tính trên số dư nợ vượt hạn mức được cấp; Phí hàng năm (phí thường niên) được thu mỗi năm một lần. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 98.590.000đồng. Trong thời gian sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến ngày 22/3/2021, ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 65.619.110đồng. Tuy nhiên, từ ngày 22/3/2021 cho đến nay, ông Đ không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng.

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 13/11/2019 kèm theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S, cùng Bảng tóm tắt sao kê ngày 30/5/2023 của Ngân hàng, ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 22/3/2021 và tính đến ngày 30/5/2023, ông Đ còn nợ Ngân hàng tổng cộng là tổng cộng là 98.064.337đồng trong đó nợ gốc là 48.101.269đồng và nợ lãi quá hạn là 49.963.068đồng.

Xét thấy tiền lãi vay và các tiền phí được Ngân hàng xác định đúng theo thỏa thuận của các bên tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 13/11/2019 kèm theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S và phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Việc ông Đ đã sử dụng thẻ tín dụng do Ngân hàng cấp để thanh toán tiêu dùng cá nhân nhưng không thanh toán đầy đủ nợ gốc và các khoản phí, tiền lãi đúng thời hạn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa các bên. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ phải thanh toán một lần cho Ngân hàng toàn bộ số nợ còn thiếu tổng cộng tính đến ngày 30/5/2023 tổng cộng là 98.064.337 đồng trong đó nợ gốc là 48.101.269 đồng và nợ lãi quá hạn là 49.963.068 đồng và phải tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi phát sinh từ ngày 31/5/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 13/11/2019 kèm theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S là có cơ sở chấp nhận.

Bị đơn là ông Huỳnh Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự để trình bày ý kiến, thông báo và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án. Như vậy, ông Đ đã tự từ bỏ việc thực hiện quyền cung cấp chứng cứ, chứng minh, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án giải quyết vụ án trên cơ sở chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông Huỳnh Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 90 và Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S:

Ông Huỳnh Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán một lần cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 13/11/2019 kèm theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S tổng cộng là 98.064.337đồng (chín mươi tám triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn ba trăm ba mươi bảy đồng) trong đó nợ gốc là 48.101.269đồng (bốn mươi tám triệu một trăm lẻ một ngàn hai trăm sáu mươi chín đồng) và nợ lãi quá hạn là 49.963.068đồng (bốn mươi chín triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn không trăm sáu mươi tám đồng).

Kể từ ngày 31/5/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ, ông Huỳnh Văn Đ phải tiếp tục thanh toán tiền lãi trên dư nợ gốc tương ứng theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 13/11/2019 kèm theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Văn Đ phải chịu 4.903.217đồng (bốn triệu chín trăm lẻ ba ngàn hai trăm mười bảy đồng).

Ngân hàng TMCP S được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.995.500đồng (một triệu chín trăm chín mươi lăm ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/00017864 ngày 20/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP S và ông Huỳnh Văn Đ có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THA dân sự Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Yến